

Số: /2026/QĐ-UBND

Cần Thơ, ngày tháng 8 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành quy định về quản lý chất thải trên địa bàn thành phố Cần Thơ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Luật số 11/2022/QH15, Luật số 16/2023/QH15, Luật số 18/2023/QH15, Luật số 47/2024/QH15, Luật số 54/2024/QH15 và Luật số 146/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 2 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định ban hành quy định về quản lý chất thải trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này quy định về quản lý chất thải trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày tháng năm 2026.

2. Các Quyết định sau đây hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành

a) Quyết định số 25/2022/QĐ-UBND ngày 13 tháng 7 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang ban hành quy định về việc thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải y tế nguy hại trên địa bàn tỉnh Hậu Giang;

b) Quyết định số 01/2024/QĐ-UBND ngày 05 tháng 01 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng quy định về phân loại, thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải công kênh trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng;

c) Quyết định số 55/2024/QĐ-UBND ngày 25 tháng 11 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng ban hành quy định về việc thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn y tế trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng;

d) Quyết định số 02/2025/QĐ-UBND ngày 23 tháng 01 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng về bãi bỏ khoản 4 Điều 6 Quyết định số 01/2024/QĐ-UBND ngày 05 tháng 01 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng quy định về phân loại, thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải công kênh trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng;

đ) Quyết định số 11/2025/QĐ-UBND ngày 26 tháng 02 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng quy định về quản lý chất thải và thực hiện chính sách ưu đãi, hỗ trợ cho hoạt động quản lý chất thải trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở, Thủ trưởng các cơ quan, ban, ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, các Chủ đầu tư, các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- VP. Chính phủ (HN - TP.HCM);
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Bộ Xây dựng;
- Bộ Tư pháp (KTVB&TCTHPL);
- TT. Thành ủy;
- TT. HĐND thành phố;
- CT và các P.CT UBND TP;
- UBMTTQVN và các đoàn thể TP;
- VP. Đoàn ĐBQH và HĐND TP;
- Các Ban HĐND TP;
- Sở, ban, ngành thành phố;
- UBND xã, phường;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình Cần Thơ;
- Cổng Tin điện tử thành phố;
- Trung tâm Lưu trữ lịch sử TP;
- Lưu: VT._{VK}

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Chí Hùng

QUY ĐỊNH

Về quản lý chất thải trên địa bàn thành phố Cần Thơ

(Ban hành kèm theo Quyết định số/2026/QĐ-UBND ngày tháng 8 năm 2026
của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định về quản lý chất thải trên địa bàn thành phố Cần Thơ theo quy định tại khoản 6 Điều 62, khoản 7 Điều 72, khoản 2, khoản 6 Điều 75, Luật số 72/2020/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 146/2025/QH15.

2. Quy định này không quy định việc thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải phóng xạ phát sinh từ hoạt động y tế. Hoạt động thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải phóng xạ phát sinh từ hoạt động y tế được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 59/2025/TT-BKHCN ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về bảo đảm an toàn bức xạ và ứng phó sự cố bức xạ và hạt nhân.

3. Các nội dung khác có liên quan chưa được quy định tại Quy định này thì thực hiện theo các quy định pháp luật hiện hành.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các cơ quan quản lý nhà nước, các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư có hoạt động liên quan việc phát sinh chất thải và tổ chức, đơn vị, cá nhân tham gia thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

Điều 3. Yêu cầu chung về quản lý chất thải

Thực hiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 72 Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 146/2025/QH15 và Điều 56 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và Điều 57 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP được bổ sung bởi khoản 24 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP.

Chương II

QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI

Điều 4. Quản lý chất thải rắn sinh hoạt

1. Thực hiện theo quy định tại Điều 75, Điều 76, Điều 77, Điều 78 Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14; Điều 58, Điều 59, Điều 60, Điều 61, điều 62 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định

số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ; Điều 26, Điều 27, Điều 28 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 và Thông tư số 09/2026/TT-BTNMT ngày 29/01/2026.

2. Chất thải rắn sinh hoạt được phân loại theo nguyên tắc quy định tại khoản 1 Điều 75 Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14.

3. Chất thải rắn sinh hoạt khác quy định tại điểm c khoản 1 Điều 75 Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 được phân loại như sau:

a) Chất thải công kênh: Là vật dụng gia đình được thải bỏ có kích thước lớn như tủ, giường, nệm, bàn, ghế, thiết bị vệ sinh, gốc cây, thân cây và các loại khác có tính chất tương tự.

b) Chất thải nguy hại phát sinh từ hộ gia đình, cá nhân: Pin, ắc quy, bình đựng hóa chất tẩy rửa, dầu nhớt thải, bình xịt côn trùng thải, bóng đèn huỳnh quang, bóng đèn điện tử, thiết bị điện tử, được phẩm hết hạn và các loại thiết bị điện tử gia dụng không còn giá trị sử dụng.

c) Chất thải rắn sinh hoạt còn lại: Là các loại chất thải phát sinh trong hoạt động sinh hoạt mà hộ gia đình, cá nhân, tổ chức không xác định được là thuộc các nhóm quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều 75 Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 và điểm a, b Khoản 3 Điều này.

4. Lộ trình thực hiện phân loại chất thải rắn sinh hoạt, giá dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt phải phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương, thực hiện theo Quyết định của Ủy ban nhân dân Thành phố Cần Thơ và các quy định hiện hành liên quan.

Điều 5. Phân loại, thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải công kênh

1. Chất thải công kênh phát sinh từ các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân, hộ gia đình được phân loại thành

a) Chất thải công kênh có khả năng tái sử dụng, tái chế.

b) Chất thải công kênh khác không còn khả năng tái sử dụng, tái chế phải chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo đúng quy định.

2. Thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải công kênh

a) Chủ nguồn thải chất thải công kênh phải thực hiện phân loại chất thải công kênh, đảm bảo chất thải công kênh chuyển giao cho đơn vị thu gom, vận chuyển không có lẫn chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp thông thường phải xử lý.

b) Chủ nguồn thải chất thải công kênh tự vận chuyển hoặc liên hệ với Chủ cơ sở thực hiện cung ứng dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải công kênh hoặc Chủ cơ sở thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt đã được Ủy ban nhân dân các phường, xã, thành phố lựa chọn theo quy định tại khoản 1 Điều

77 Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 và khoản 1 Điều 59 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường để thực hiện thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải công nghiệp phát sinh.

c) Phương tiện thu gom, vận chuyển chất thải công nghiệp phải đáp ứng các yêu cầu về an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật; bảo đảm không rơi vãi chất thải, rò rỉ nước thải, phát tán mùi hôi trong quá trình vận chuyển.

d) Chủ cơ sở thu gom, vận chuyển chất thải công nghiệp không được phép thu gom chất thải công nghiệp có lẫn chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp thông thường phải xử lý, tuân thủ các quy định kỹ thuật về thu gom chất thải và các quy định có liên quan của địa phương.

đ) Chất thải công nghiệp sau khi được chủ cơ sở thu gom, vận chuyển đến địa điểm xử lý để được xử lý theo quy định, đảm bảo không ảnh hưởng đến môi trường và cảnh quan khu vực.

Điều 6. Quản lý chất thải rắn công nghiệp thông thường

Thực hiện theo quy định tại Điều 81, Điều 82 Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14; Điều 65, 66, 67 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ; Điều 24, Điều 25, Điều 33, Điều 34 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 và Thông tư số 09/2026/TT-BTNMT ngày 29/01/2026.

Điều 7. Quản lý chất thải nguy hại

Thực hiện theo quy định tại Điều 83, Điều 84, Điều 85 Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật 146/2025/QH15; Điều 68, 69, 70, 71, 72, 73 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ; Điều 24, Điều 25, Điều 35, Điều 36, 37, 38, 39 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 và Thông tư số 09/2026/TT-BTNMT ngày 29/01/2026.

Điều 8. Quy định về quản lý chất thải y tế

1. Thu gom chất thải rắn y tế

a) Chất thải rắn y tế thông thường được thu gom theo quy định tại khoản 3 Điều 7 Thông tư số 20/2021/TT-BYT ngày 26 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định về quản lý chất thải y tế trong phạm vi khuôn viên cơ sở y tế.

b) Chất thải rắn y tế nguy hại được thu gom theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 7 Thông tư số 20/2021/TT-BYT ngày 26 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định về quản lý chất thải y tế trong phạm vi khuôn viên cơ sở y tế.

2. Vận chuyển chất thải rắn y tế

a) Việc vận chuyển chất thải rắn y tế thông thường được thực hiện bởi tổ chức, cá nhân đáp ứng yêu cầu theo quy định tại khoản 5 Điều 81 Luật số 72/2020/QH14 và khoản 25 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường. Phương tiện, thiết bị vận chuyển chất thải rắn công nghiệp thông thường phải đảm bảo đáp ứng các quy định tại Điều 34 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

b) Phương tiện vận chuyển chất thải rắn y tế thông thường tương tự như phương tiện vận chuyển chất thải rắn y tế nguy hại phải đáp ứng yêu cầu tại khoản 3 Điều 83 Luật số 72/2020/QH14; khoản 26 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường; khoản 1 Điều 69 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 110/2026/NĐ-CP; và các quy định khác có liên quan.

c) Việc vận chuyển chất thải rắn y tế phải bảo đảm vệ sinh môi trường theo khoản 3 Điều 42 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

3. Xử lý chất thải rắn y tế

a) Chất thải rắn y tế thông thường được xử lý như đối với chất thải rắn công nghiệp thông thường quy định tại Điều 82 Luật bảo vệ môi trường năm 2020 (trừ việc xử lý chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sinh hoạt thường ngày của nhân viên y tế, người bệnh, người nhà người bệnh, học viên, khách đến làm việc (trừ chất thải sinh hoạt phát sinh từ khu vực cách ly, điều trị người mắc bệnh truyền nhiễm nguy hiểm) thì được xử lý như chất thải rắn sinh hoạt).

b) Chất thải y tế nguy hại phải được xử lý theo thứ tự ưu tiên theo quy định tại khoản 4 Điều 42 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

c) Đối với việc xử lý chất thải y tế nguy hại theo mô hình cụm được thực hiện theo Kế hoạch thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải y tế nguy hại của Ủy ban nhân thành phố phê duyệt. Trường hợp hệ thống xử lý chất thải y tế nguy hại của cơ sở xử lý theo cụm không đảm bảo khả năng xử lý hoặc dừng hoạt động thì phải chuyển giao cho đơn vị có giấy phép phù hợp theo quy định của pháp luật.

d) Đối với việc tự xử lý chất thải y tế trong khuôn viên cơ sở y tế phải đáp ứng yêu cầu theo quy định tại khoản 2 Điều 70 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 9. Quản lý nước thải

1. Quản lý nước thải tại khu đô thị, khu dân cư tập trung hiện hữu đã có hệ thống xử lý nước thải tập trung được quy định như sau:

a) Nước thải sinh hoạt phải được thu gom, xử lý qua bể tự hoại trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của khu đô thị, khu dân cư tập trung tại điểm đầu nối.

b) Nước thải khác phải được thu gom, xử lý sơ bộ trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải đô thị, khu dân cư tập trung; nước thải sau khi xử lý sơ bộ phải đáp ứng quy định của khu đô thị, khu dân cư tập trung hoặc quy định của Ủy ban nhân dân Thành phố Cần Thơ. Trường hợp chưa có quy định của khu đô thị, khu dân cư tập trung hoặc quy định của Ủy ban nhân dân Thành phố Cần Thơ thì áp dụng Quy chuẩn kỹ thuật môi trường quốc gia theo loại hình, tính chất nước thải tương ứng.

2. Quản lý nước thải tại khu đô thị, khu dân cư tập trung hiện hữu chưa có hệ thống xử lý nước thải tập trung và tại khu dân cư không tập trung được quy định như sau:

a) Nước thải sinh hoạt phát sinh từ tổ chức (không bao gồm cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ), hộ gia đình trong khu đô thị, khu dân cư tập trung chưa có hệ thống xử lý nước thải tập trung phải được thu gom, xử lý bằng bể tự hoại trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải của khu đô thị, khu dân cư tập trung; Nước thải sinh hoạt phát sinh từ tổ chức, hộ gia đình tại khu dân cư không tập trung phải được thu gom, xử lý bằng công trình xử lý nước thải tại chỗ đạt yêu cầu về bảo vệ môi trường trước khi xả nước thải vào nguồn tiếp nhận.

b) Nước thải phát sinh từ hộ gia đình có hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ phải được thu gom, xử lý đạt Quy chuẩn kỹ thuật môi trường quốc gia theo loại hình, tính chất nước thải tương ứng trước khi xả nước thải vào nguồn tiếp nhận.

3. Quản lý nước thải tại khu đô thị, khu dân cư chuẩn bị đầu tư.

Chủ đầu tư các khu đô thị, khu dân cư tập trung phải bố trí quỹ đất để đầu tư hệ thống xử lý nước thải tập trung theo quy định.

4. Công trình, thiết bị xử lý nước thải tại chỗ đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ quy mô hộ gia đình, cá nhân phải đảm bảo đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường trước khi xả thải vào nguồn tiếp nhận theo quy định của loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và yêu cầu của nguồn tiếp nhận.

5. Quản lý nước thải tại khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung

a) Các khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp phải đáp ứng hạ tầng bảo vệ môi trường theo quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 52 Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 được sửa đổi bổ sung bởi khoản 15, 16 Điều 1 Luật 146/2025/QH15; Điều 48 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP được bổ sung bởi Điều 19 Nghị định số 48/2026/NĐ-CP.

b) Cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trong khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp có trách nhiệm đầu nối nước thải theo quy định tại Điều 53 Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14.

6. Quản lý nước thải tại dự án, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ nằm ngoài khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp

Cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ nằm ngoài khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp phải được thu gom và xử lý đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường trước khi thải vào nguồn tiếp nhận.

Điều 10. Quản lý và kiểm soát bụi, khí thải

1. Tổ chức, cá nhân hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có phát tán bụi, khí thải và phương tiện giao thông, máy móc, thiết bị, công trình xây dựng phát tán bụi, khí thải phải tuân thủ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 88 Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14.

2. Công trình, thiết bị xử lý khí thải tại chỗ đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ quy mô hộ gia đình, cá nhân phải đảm bảo đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường trước khi xả thải vào nguồn tiếp nhận theo quy định của loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và yêu cầu của nguồn tiếp nhận.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 11. Trách nhiệm của Sở, ban, ngành

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường

a) Chủ trì, tổ chức quản lý chất thải trên địa bàn thành phố Cần Thơ và chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ về mặt quản lý nhà nước đối với hoạt động liên quan đến lĩnh vực quản lý chất thải trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

b) Hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp xã triển khai các quy định trong lĩnh vực quản lý chất thải theo thẩm quyền.

c) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan xây dựng, trình Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định điều chỉnh, bổ sung nội dung của Quyết định này khi các quy định của pháp luật có thay đổi hoặc quá trình triển khai Quyết định này có những phát sinh cần phải điều chỉnh phù hợp thực tế.

2. Sở Xây dựng

a) Chủ trì, phối hợp Sở Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn các phương tiện vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt lắp đặt các thiết bị giám sát hành trình, cấp giấy phép kinh doanh vận tải và phù hiệu chạy xe (đối với các phương tiện thuộc đối tượng áp dụng theo Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ). Phối hợp với các sở, ngành có liên quan kiểm tra, giám sát trong quá trình hoạt động của phương tiện.

b) Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường, các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan theo chức năng, nhiệm vụ được giao thực hiện công tác quản lý chất thải trên địa bàn thành phố theo quy định.

3. Sở Y tế

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường tổ chức tập huấn, hướng dẫn các cơ sở y tế; cơ sở sản xuất, kinh doanh, cơ quan, đơn vị có phát sinh chất thải rắn y tế thực hiện việc thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn y tế trên địa bàn thành phố theo Quy định này và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

b) Thường xuyên rà soát năng lực của các cơ sở y tế trên địa bàn thành phố để xem xét, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố cho phép xử lý chất thải y tế theo mô hình cụm hoặc xử lý chất thải y tế tại chỗ đảm bảo theo đúng quy định.

c) Kịp thời thông tin cho Sở Nông nghiệp và Môi trường về các thay đổi trong thực tế công tác quản lý chất thải rắn y tế trên địa bàn thành phố; phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường trong việc xây dựng, trình Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định điều chỉnh, bổ sung nội dung Quy định này cho phù hợp.

4. Sở Tài chính

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan theo chức năng, nhiệm vụ được giao và khả năng cân đối ngân sách tham mưu về kinh phí thực hiện Quyết định này theo đúng quy định của pháp luật.

5. Trách nhiệm của Sở Khoa học và Công nghệ

Phối hợp thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc lĩnh vực bảo vệ môi trường, các giải pháp xử lý môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học, xử lý chất thải rắn.

6. Ban quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp

a) Hướng dẫn chủ nguồn thải trong việc quản lý các loại chất thải trong các khu công nghiệp theo quy định.

b) Kiểm tra, giám sát việc chấp hành pháp luật về quản lý chất thải rắn sinh hoạt của các cơ sở kinh doanh hạ tầng, các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trong các khu công nghiệp nhằm phát hiện kịp thời vi phạm và kiến nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

7. Các sở, ban, ngành khác

a) Căn cứ chức năng nhiệm vụ được giao, hướng dẫn các đơn vị trực thuộc thực hiện công tác quản lý chất thải theo đúng quy định này và các Quy định của pháp luật khác có liên quan.

b) Thực hiện nghiêm các Quy định về phân loại chất thải theo quy định này trong phạm vi của đơn vị.

8. Báo và Phát thanh, Truyền hình Cần Thơ

Xây dựng phóng sự tuyên truyền, ghi hình, đưa tin phản ánh kịp thời tình hình triển khai thực hiện quy định quản lý chất thải trên địa bàn thành phố tuyên truyền về bảo vệ môi trường nói chung và quản lý chất thải nói riêng tại địa phương; kịp thời phát hiện các tổ chức, cá nhân, mô hình hay, điển hình và thiết thực để phổ biến, tuyên truyền nhân rộng.

Điều 12. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Chịu trách nhiệm về công tác quản lý chất thải trên địa bàn. Xây dựng kế hoạch, phương án hoặc nội dung thực hiện quản lý chất thải trên địa bàn.

2. Thực hiện trách nhiệm quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường, quản lý chất thải theo quy định tại khoản 3 Điều 168 Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung tại khoản 35 Điều 1 Luật số 146/2025/QH15.

3. Hướng dẫn các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư trên địa bàn quản lý các loại chất thải phát sinh theo quy định.

4. Tổ chức truyền thông, phổ biến pháp luật về công tác thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn y tế cho các cơ sở y tế và các đối tượng liên quan trên địa bàn quản lý. Phối hợp với các Sở, ban, ngành liên quan trong hoạt động thanh tra, kiểm tra công tác thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn y tế của các cơ sở y tế trên địa bàn quản lý.

5. Công bố rộng rãi số điện thoại “đường dây nóng” lĩnh vực môi trường của địa phương để người dân được biết và phản ánh các vấn đề về môi trường; tiếp nhận, giải quyết các tranh chấp, khiếu nại, tố cáo và các yêu cầu kiến nghị về quản lý chất thải trong phạm vi quyền hạn của mình hoặc chuyển đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để giải quyết.

Điều 13. Trách nhiệm của các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân.

Các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có liên quan trong việc quản lý chất thải có trách nhiệm thực hiện các nội dung có liên quan theo quy định này.

Điều 14. Tổ chức thực hiện

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, cơ quan, đơn vị liên quan triển khai thực hiện Quy định này. Tổng hợp, báo cáo quản lý chất thải theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường.

2. Các Sở, ban, ngành thành phố và Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức triển khai thực hiện Quy định này và chịu trách nhiệm giám sát, kiểm tra việc thực hiện.

3. Trong quá trình thực hiện Quy định này, nếu có khó khăn, vướng mắc, các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã phản ánh kịp thời bằng văn bản về Sở Nông nghiệp và Môi trường để báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp. Trường hợp văn bản quy phạm pháp luật viện dẫn tại Quy định này được sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ bằng văn bản quy phạm pháp luật mới thì áp dụng quy định tại văn bản quy phạm pháp luật mới./.